

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án “Phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2022/NĐ-CP ngày 11/6/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kết luận số 361-KL/TU ngày 25 tháng 6 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước về phát triển Khu công nghiệp, Khu kinh tế, Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 45/TTr-SCT ngày 25 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án “Phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”.

2

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Trung tâm CNTT&TT;
- LĐVP, P.TH;
- Lưu: VT, (Quế-29.8).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Trần Tuệ Hiền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp tỉnh Bình Phước
giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2022
của UBND tỉnh Bình Phước)*

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết xây dựng đề án

Khu công nghiệp (KCN), khu kinh tế (KKT), cụm công nghiệp (CCN) là cấu phần quan trọng chiến lược trong phát triển công nghiệp của tỉnh Bình Phước. Vì vậy, phát triển KCN, KKT, CCN là chủ trương lớn trong giai đoạn vừa qua. Tỉnh Bình Phước quy hoạch 13 KCN với tổng diện tích 6.061 ha; quy hoạch 40 CCN với tổng diện tích 1.600,56 ha. Bên cạnh đó, Tỉnh cũng đã thành lập KKT với mục tiêu tận dụng và phát huy lợi thế của cửa khẩu Hoa Lư và thị trường Campuchia.

Việc hình thành và đưa vào hoạt động các KCN, KKT, CCN đã làm thay đổi diện mạo hoạt động công nghiệp của tỉnh, góp phần đáng kể cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; Thu hút các ngành nghề phục vụ sản xuất có công nghệ tiên tiến, giải quyết rất nhiều việc làm cho lao động địa phương trong và ngoài tỉnh, góp phần ổn định chính trị và phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

Tuy nhiên, việc quy hoạch phát triển các KCN, KKT, CCN trong thời gian qua còn một số tồn tại, hạn chế như: các KCN, KKT được quy hoạch chưa gắn kết với quy hoạch phát triển nhà ở cho công nhân; một số KCN có diện tích lớn nên tiến độ giải phóng mặt bằng chậm, thời gian triển khai kéo dài dẫn đến tỷ lệ lấp đầy thấp; chất lượng thu hút đầu tư chưa cao, thu hút nhiều ngành nghề với suất đầu tư thấp, gây ô nhiễm môi trường, chiếm diện tích sử dụng đất lớn, thâm dụng lao động, công nghệ lạc hậu; nguồn lao động còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng.

Do đó, nhằm phát huy những kết quả đạt được và khắc phục các hạn chế trong việc phát triển các KCN, KKT, CCN thời gian qua. Đồng thời, đề định hướng cho phát triển KCN, KKT, CCN tích hợp vào quy hoạch tỉnh; hoạch định

không gian phát triển hợp lý, đồng bộ, tiết kiệm đất đai và chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; phát huy và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực như đất đai, nguyên nhiên vật liệu, lao động, vốn, các nguồn tài nguyên khác; bảo đảm an toàn về môi trường sinh thái. Là cơ sở để định hướng lựa chọn các nhà đầu tư hạ tầng KCN, KKT, CCN đủ năng lực tài chính và kinh nghiệm; thì việc xây dựng Đề án phát triển Khu công nghiệp, Khu kinh tế, Cụm công nghiệp tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là rất cần thiết.

II. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020.

- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế;

- Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 61/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước đến năm 2025 với diện tích 28.364 ha và phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư tại Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh;

- Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

- Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2021-2026 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

PHẦN II

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KCN, KKT, CCN

I. Thực trạng phát triển KCN, KKT, CCN:

1. Về thực trạng phát triển khu công nghiệp:

- Tỉnh Bình Phước đã quy hoạch 13 KCN, với tổng diện tích 6.061 ha (diện tích quy hoạch là 4.686 ha, diện tích chuyển tiếp trong giai đoạn tới là 1.375 ha). Tính đến nay có 12/13 KCN đi vào hoạt động, đã thu hút được 368 dự án, với diện tích đất KCN có thể cho thuê là 3.282,4 ha, diện tích đất KCN đã cho thuê là 1.350 ha; tương đương tỷ lệ lấp đầy là 41,1% (chi tiết tại Bảng 1 kèm theo).

- Tới năm 2020, các KCN trên địa bàn tỉnh đã thu hút được tổng vốn đầu tư đăng ký là 2.670,6 triệu USD đầu tư nước ngoài và 12.081,9 tỷ đồng đầu tư trong nước. Các KCN có hạ tầng được đầu tư sớm như Minh Hưng III, Minh Hưng – Hàn Quốc, Bắc Đồng Phú, Nam Đồng Phú có tỷ lệ vốn giải ngân thực tế khá cao. Ngược lại, những KCN mới hình thành như Becamex hay Đồng Xoài III có tỷ lệ giải ngân còn thấp.

- Cơ cấu ngành nghề, lĩnh vực thu hút đầu tư chủ yếu tập trung vào các ngành: Sản xuất, chế tạo linh kiện điện tử, sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất quần áo, sản xuất đồ gỗ, công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may, ngành da giày. Vài năm gần đây và xu hướng trong thời gian tới thì ngành chế biến sản phẩm từ thịt gà, heo đang là ngành mới nổi và được kỳ vọng sẽ đóng góp nhiều cho tăng trưởng của tỉnh nhà.

- Các KCN này đã tạo việc làm cho 69.786 lao động trong nước và 1.285 lao động nước ngoài. Tuy nhiên, hiện nay tất cả 13 KCN đều chưa có bố trí đất để xây dựng nhà ở cho công nhân.

2. Về thực trạng phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư:

Ngày 13 tháng 01 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 61/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng KKT cửa khẩu Hoa Lư, với diện tích 28.364 ha. Tính đến nay, UBND tỉnh đã thuận chủ trương cho 91 Doanh nghiệp với diện tích khoảng 1.685 ha, cụ thể như sau:

a) Đối với 88 nhà đầu tư thứ cấp, diện tích 556 ha, tạo việc làm cho hơn 500 lao động trong nước.

- 38 nhà đầu tư đã xây dựng và đi vào hoạt động với diện tích 140 ha.

- 14 nhà đầu tư đang triển khai xây dựng với diện tích khoảng 91 ha.

- 36 nhà đầu tư đang làm các thủ tục pháp lý để triển khai dự án.

b) Đối với 03 nhà đầu tư hạ tầng KCN trong KKT.

- KCN Ledana: Do Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thanh Dung làm chủ đầu tư, tổng diện tích quy hoạch là 424,54 ha, KCN đã được Thủ tướng



Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, Ban Quản lý KKT đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký là 1.200 tỷ đồng. Đang tiến hành GPMB để triển khai xây dựng.

- KCN Hoa Lư: Do Công ty CP đầu tư Hoa Lư - Bình Phước làm chủ đầu tư, diện tích quy hoạch 348,32 ha, KCN đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, Ban Quản lý KKT đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký là 1.119,29 tỷ đồng. Đang tiến hành GPMB để triển khai xây dựng.

- KCN Vcom: Do Công ty CP DL ST nghỉ dưỡng Vcom làm chủ đầu tư với diện tích 300 ha, hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. Đang tiến hành GPMB để triển khai xây dựng.

3. Về thực trạng phát triển cụm công nghiệp

Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Bình Phước và được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 1210/QĐ-UB ngày 03 tháng 6 năm 2020, đã quy hoạch 40 cụm công nghiệp, với tổng diện tích là 1.600,56 ha.

Đến nay, đã có 09 CCN được thành lập trong tổng số 40 CCN được quy hoạch trên địa bàn tỉnh, với tổng diện tích các CCN được thành lập là 453,96 ha. Còn lại 31 CCN chưa thành lập (trong đó có 08 CCN đang được quy hoạch trên đất của các hộ dân nên các nhà đầu tư hạ tầng không có khả năng để giải phóng mặt bằng. Vì vậy, Bộ Công Thương đã hủy bỏ quy hoạch 01 CCN và UBND các huyện đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch 07 CCN).

Hiện nay, có 01/09 CCN được thành lập (đó là CCN Hà My thành lập năm 2011) đã đi vào hoạt động với tổng số dự án đăng ký đầu tư sản xuất kinh doanh là 04 dự án, giải quyết việc làm cho 450 lao động. Kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào các CCN bước đầu được quan tâm đầu tư.

08/09 CCN đã thành lập có quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt, trong đó diện tích đất công nghiệp 393,96 ha; 08 CCN này đang triển khai thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng. Bên cạnh đó, có 01 CCN Thanh Phú (với diện tích 60 ha) đang thực hiện quy hoạch chi tiết.

II. Kết quả đạt được:

Nhìn chung, quá trình triển khai thực hiện các KCN, KKT, CCN đã hoàn thiện các quy hoạch, kịp thời điều chỉnh phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ, đáp ứng cơ bản nhu cầu đầu tư phát triển. Hệ thống kết cấu hạ tầng KCN, KKT, CCN đã được triển khai xây dựng đúng quy hoạch được duyệt, cơ bản đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư.

Sự phát triển KCN, CCN đã đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa; tạo sự phát triển đồng đều giữa các vùng trong tỉnh; góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng xã hội.

Bình Phước nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, giáp các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai là các tỉnh có nền công nghiệp phát triển mạnh, là cửa ngõ của vùng Tây Nguyên trong kết nối với vùng thành phố Hồ Chí Minh, kết nối với nước bạn Campuchia qua cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư. Với vị trí như vậy, Bình Phước có được ảnh hưởng tích cực bởi làn sóng đầu tư của các tỉnh lân cận. Hơn nữa, Bình Phước vẫn còn quỹ đất dồi dào, chủ yếu là đất công, đất sạch, các sản phẩm nông nghiệp chủ lực như điều, cao su, lâm sản khác là nguyên liệu sản xuất khá ổn định.

Nhìn chung các KCN, KKT, CCN được hình thành và phát triển trên địa bàn tỉnh Bình Phước phù hợp với quy định, phù hợp quy hoạch xây dựng và phát triển chung của cả nước và quy hoạch phát triển công nghiệp của địa phương. Thu hút được lượng vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế trong nước và ngoài nước, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Dự kiến sản xuất của các doanh nghiệp trong các KCN, KKT, CCN đóng góp tỷ trọng đáng kể trong giá trị sản xuất công nghiệp, giá trị xuất khẩu chung của tỉnh. Giải quyết nhiều việc làm, đào tạo nguồn nhân lực góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

III. Hạn chế, nguyên nhân

1. Hạn chế:

- Diện tích các KCN chưa đồng bộ, có sự chênh lệch lớn, cụ thể như: KCN Chơn Thành II (76 ha) và KCN Nam Đồng Phú (72 ha) có diện tích quá nhỏ, nhưng KCN Becamex - Bình Phước có diện tích quá lớn (2.450 ha). Từ đó, làm hạn chế hiệu quả đầu tư của các KCN:

+ Đối với KCN có diện tích quá nhỏ sẽ triển khai nhanh việc đầu tư và đẩy nhanh tỷ lệ lấp đầy. Tuy nhiên, sẽ phải thường xuyên điều chỉnh tăng diện tích nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư thứ cấp.

+ Đối với các KCN có diện tích quá lớn sẽ kéo dài công tác giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đầu tư hạ tầng và thu hút các nhà đầu tư thứ cấp để lấp đầy. Song, hạn mức phân bổ diện tích đất công nghiệp được Trung ương phân bổ cho tỉnh nhà là có giới hạn. Do đó, khi các KCN có diện tích quá lớn sẽ chậm triển khai được thì tỉnh cũng không còn hạn mức đất công nghiệp để quy hoạch và thành lập các KCN khác. Điều này sẽ kìm hãm sự phát triển của tỉnh nhà.

- Bên cạnh đó, việc chậm giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nhất là thủ tục mở rộng hoặc thành lập mới KCN còn kéo dài đã ảnh hưởng lớn đến tỷ lệ lấp đầy tại nhiều KCN còn thấp, dẫn đến tình trạng đất đai bị bỏ hoang hoá, lãng phí nguồn tài nguyên đất đai.

- Một số nhà đầu tư hạ tầng KCN, KKT còn hạn chế về năng lực, kinh nghiệm trong việc đầu tư, xây dựng hạ tầng nên dẫn đến thu hút đầu tư kém, chất lượng hạ tầng còn thấp, chưa đảm bảo mỹ quan. Đặc biệt, có nhiều dự án đầu tư phải kéo dài thời gian thực hiện (KCN Việt Kiều, KCN Tân Khai II, KCN Ledana, KCN Hoa Lư, KCN Vcom).

- Hiệu quả thu hút đầu tư vào KCN, KKT, CCN chưa cao, do thu hút các ngành thâm dụng lao động, xuất đầu tư thấp, đóng góp cho ngân sách thấp (như

ngành dệt may, da giày). Vì vậy, trong thời gian qua đã tạo gánh nặng về cung ứng lao động, giải quyết các hạ tầng xã hội (trường học, y tế, văn hóa, ...).

- Nguồn lao động cung ứng cho các KCN, KKT, CCN còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng (lao động tay nghề cao còn thiếu, nhất là nhóm lao động liên quan đến các ngành kỹ thuật cao, công nghệ chế tạo, marketing, kế toán, phiên dịch viên, xuất nhập khẩu). Bên cạnh đó, chưa đầu tư các khu nhà ở cho công nhân và người lao động trong các KCN, KKT, CCN.

2. Nguyên nhân:

- Thời gian đầu khi mới phát triển các KCN, tỉnh Bình Phước không có nhiều cơ hội để lựa chọn các nhà đầu tư hạ tầng và nhà đầu tư thứ cấp. Khi đó, tỉnh nhà chú trọng đến số lượng các nhà đầu tư cần thu hút, mà chưa thực sự chú trọng đến chất lượng các nhà đầu tư.

- Về mặt chủ quan là do chưa có nhiều kinh nghiệm khi quy hoạch các KCN, KKT, CCN dẫn đến việc quy hoạch các KCN, CCN chưa đồng bộ về diện tích.

- Trong thời gian qua còn hạn chế trong việc đánh giá và lựa chọn các nhà đầu tư hạ tầng KCN, KKT, CCN đáp ứng đủ năng lực và kinh nghiệm để sớm triển khai và thu hút các nhà đầu tư thứ cấp.

- Việc bố trí nguồn lực cho GPMB, đầu tư kết cấu hạ tầng, việc thu hút nguồn lực đầu tư từ nguồn xã hội hóa còn hạn chế.

- Tập trung phát triển các KCN, KKT, CCN mà chưa có chiến lược thu hút, đào tạo nguồn lao động; chưa kịp thời kêu gọi các dự án đầu tư xây dựng các trường, trung tâm đào tạo nghề; các dự án về nhà ở cho công nhân, cũng như xây dựng các hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, thương mại, thiết chế văn hóa...) phục vụ cho người lao động tại các KCN, KKT, CCN.

IV. Bài học kinh nghiệm:

- Phát triển KCN với diện tích phù hợp (không quá lớn) để nhanh giải phóng mặt bằng, triển khai đầu tư, thi công và thu hút nhà đầu tư thứ cấp.

- Cần xem xét, đánh giá kỹ khi lựa chọn nhà đầu tư có kinh nghiệm, năng lực để nhanh chóng đi vào hoạt động, nắm lấy cơ hội đón các nhà đầu tư thứ cấp có tiềm năng.

- Lựa chọn các dự án có suất đầu tư cao, các ngành nghề ít thâm dụng lao động và ít gây ô nhiễm môi trường để thu hút đầu tư thông qua việc định hướng và ban hành chính sách ưu đãi đầu tư.

- Gắn kết định hướng và quy hoạch các KCN, KKT, CCN với quy hoạch và kêu gọi đầu tư vào các dự án phát triển nhà ở cho công nhân; các công trình trường học, bệnh viện, siêu thị, trung tâm thương mại, hệ thống cửa hàng tiện lợi, khu vui chơi, giải trí,... phục vụ cho công nhân, người lao động và nhân dân xung quanh KCN, KKT, CCN.

PHẦN III

BỐI CẢNH, QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

I. Bối cảnh

1. Bối cảnh chung của Việt Nam

- Việt Nam đang nổi lên là quốc gia hấp dẫn trong thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp và tập đoàn lớn của quốc tế khi nước ta đang có nhiều thế mạnh về sự ổn định chính trị, xã hội; Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do (FTAs) giúp các nhà đầu tư hưởng nhiều lợi ích từ các thỏa thuận này. Đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc và hậu quả của dịch bệnh Covid đã thay đổi xu hướng đầu tư của các doanh nghiệp, tập đoàn lớn của nước ngoài (không chỉ phụ thuộc vào các nhà cung cấp lớn từ các nước như Trung Quốc, Ấn Độ mà sẽ hướng đa dạng hóa chuỗi cung ứng của mình từ các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam).

Vì vậy, nhu cầu thành lập mới và mở rộng các KCN, KKT, CCN nhằm đón luồng đầu tư lớn từ các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong và ngoài nước ngày càng tăng. Tuy nhiên, quy hoạch đất công nghiệp của cả nước và vùng miền Đông Nam bộ đến năm 2030 có hạn chế. Vì vậy, diện tích đất dành cho phát triển thêm các KCN, KKT, CCN cả nước nói chung và của tỉnh Bình Phước nói riêng sẽ không còn nhiều để đón luồng đầu tư từ các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong và ngoài nước.

- Bên cạnh đó, sự cạnh tranh thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào các KCN, CCN không chỉ là sự sẵn sàng các điều kiện về việc đầu tư hạ tầng hoàn chỉnh với giá cả cạnh tranh. Mà hiện nay, song song với các điều kiện này thì việc cạnh tranh thu hút đầu tư còn đòi hỏi phải hình thành các khu đô thị công nghiệp theo mô hình đa chức năng. Đó là khu vực để sản xuất, để sinh sống, làm việc, nghỉ ngơi, với hạ tầng xã hội đồng bộ và chất lượng tốt.

2. Bối cảnh của tỉnh Bình Phước

- Trong thời gian qua, các KCN, CCN đã trở thành nhân tố hết sức quan trọng trong các mục tiêu về tăng trưởng của địa phương, góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Bên cạnh đó, các KCN góp phần thúc đẩy phát triển đô thị hóa và các loại hình dịch vụ, nâng cao hiệu quả tổng hợp của các ngành sản xuất, cải thiện thu nhập và trình độ người lao động. Tuy nhiên, các KCN của tỉnh có tỷ lệ lấp đầy (41,1%) thấp hơn một phần hai với cả nước (75%). Trong khi đó, diện tích đất phát triển các KCN, CCN trong quy hoạch (6.061 ha) hiện nay đã sử dụng hết; không còn nhiều để thành lập các KCN mới.

- Bình Phước là tỉnh phát triển các KCN, KKT, CCN đi sau của vùng. Vì vậy, có lợi thế của người đi sau: (1) có nhiều điều kiện lựa chọn các nhà đầu tư hạ tầng có năng lực và kinh nghiệm đã triển khai các dự án tại các địa phương khác; (2) rút kinh nghiệm từ các tỉnh đi trước, khi chỉ chú trọng phát triển các

KCN, CCN mà chưa chú trọng phát triển hạ tầng xã hội tương ứng phục vụ cho sự phát triển công nghiệp; (3) có thể nhận thức rõ hơn trong việc lựa chọn các ngành có suất đầu tư cao; ít thâm dụng lao động và năng lượng; ít ô nhiễm môi trường; (4) có kinh nghiệm khi ưu tiên phát triển các KCN có diện tích nhỏ và vừa; không phát triển các khu công nghiệp quá lớn; (5) đúc kết thực tế của cả nước trong vướng mắc về giải phóng mặt bằng, cần tập trung quy hoạch KCN, CCN trên diện tích đất công, ở những nơi thuận tiện cho công tác giải phóng mặt bằng, kết nối hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc...).

- Trong thời gian qua, kết cấu hạ tầng của tỉnh đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh và đặc biệt là hạ tầng giao thông đường bộ đã có kết nối liên vùng với các tỉnh miền Đông Nam bộ và các tỉnh Tây nguyên. Đây là tiền đề quan trọng để tỉnh Bình Phước nâng cao năng lực cạnh tranh, nhằm thu hút nhiều nhà đầu tư tiềm năng.

- Lực lượng lao động trong các KCN, KKT, CCN hiện nay đang thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, trong khi đó, Bình Phước lại có tỷ lệ xuất cư ròng cao (0,87% dân số). Vì vậy, Bình Phước đang đứng trước tình thế phải cạnh tranh nguồn lao động gay gắt với các tỉnh trong khu vực.

Trước bối cảnh chung cả nước và của riêng Bình Phước, tỉnh nhà cần có những quan điểm, mục tiêu và giải pháp để phát triển các KCN, KKT, CCN với hiệu quả cao nhất.

II. Quan điểm phát triển

- Phát triển các KCN, KKT, CCN đóng vai trò hết sức quan trọng trong phát triển công nghiệp của tỉnh. Phát huy các lợi thế của tỉnh về nguồn lực đất đai và vị trí trong khu vực kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ để phát triển đồng bộ, hiệu quả và nhanh chóng các KCN, KKT, CCN trên địa bàn tỉnh, tạo động lực thu hút mạnh mẽ đầu tư trong và ngoài nước, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Phát triển KCN, KKT, CCN phải bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia. Tại một số địa bàn nhạy cảm, liên quan đến quốc phòng, an ninh, khu vực biên giới thì việc phát triển KCN, KKT, CCN cần được xem xét chặt chẽ, đặt vấn đề đảm bảo quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia lên hàng đầu.

- Xây dựng, phát triển các KCN, KKT, CCN là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được thực hiện trong mối quan hệ hữu cơ với vùng, với cả nước

- Phát triển KCN, KKT, CCN phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch của tỉnh, trên cơ sở sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn lực đất đai và chỉ tiêu đất công nghiệp được phân bổ, bảo đảm tính hiệu quả và khả thi của các dự án KCN, CCN.

- Phát triển các KCN, CCN là giải pháp trọng yếu của phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Vì vậy, phải lấy hiệu quả của việc đầu tư phát

triển KCN, KKT, CCN là lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài của tỉnh. Đây sẽ là nhiệm vụ trọng tâm trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong thời gian tới.

- Tối ưu hóa nguồn lực từ đất đai để phát triển KCN, CCN trong bối cảnh hạn mức đất công nghiệp của tỉnh bị hạn chế trong thời gian tới. Vì vậy, cần chú trọng lựa chọn các nhà đầu tư hạ tầng có đủ năng lực và kinh nghiệm; ưu tiên phát triển các KCN có quy mô nhỏ (có diện tích dưới 500 ha) và các KCN có quy mô vừa (với diện tích từ 500 ha đến dưới 1.000 ha); không phát triển các dự án KCN quá lớn với diện tích trên 1.000 ha.

- Chỉ xem xét mở rộng KCN khi tỷ lệ lấp đầy thực tế đạt tối thiểu 60% và phù hợp với theo các quy định của pháp luật có liên quan.

- Gắn phát triển các KCN, KKT, CCN với chính sách thu hút đầu tư thông qua các quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư với các ngành có xuất đầu tư cao, ít thâm dụng lao động, thân thiện với môi trường; các ngành chế biến, chế tạo, các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ....

- Quy hoạch KCN, KKT, CCN cần tuân thủ theo nguyên tắc cẩn trọng, nhà nước nên chú trọng nguồn lực đầu tư cho các địa điểm có cơ hội phát triển rõ ràng. Bên cạnh đó, việc quy hoạch phát triển các KCN, KKT, CCN đảm bảo đồng bộ và có đầy đủ các tiện ích liên quan, nhất là các tiện ích cho lực lượng lao động trong các khu này.

- Phấn đấu đến cuối năm 2025, phát triển từ 01 đến 03 CCN ở mỗi địa phương cấp huyện. Trong đó chú trọng phát triển CCN chuyên ngành nông sản để phục vụ chế biến sản phẩm nông nghiệp, gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân, nhất là các vùng thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn để giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, bảo đảm phát triển đồng đều các địa phương.

III. Mục tiêu phát triển giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030

1. Mục tiêu đến năm 2025

- Phát triển: 8.290 ha đất KCN; 25.864 ha đất KKT (điều chỉnh giảm từ 28.364 ha hiện nay); 730 ha đất CCN.

- Suất đầu tư các KCN, KKT, CCN đạt từ 3,0 triệu USD/ha đến 3,5 triệu USD/ha; tỷ lệ lấp đầy của các KCN đạt từ 60% đến 70%.

- 100% KCN, KKT, CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn về môi trường.

- 100% khu công nghiệp hiện hữu, thành lập mới hoặc mở rộng điều phải đầu tư xây dựng nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp.

2. Mục tiêu đến năm 2030

- Phát triển: 11.522 ha đất KCN; 25.864 ha đất KKT; 1.279 ha đất CCN.

- Suất đầu tư các KCN, KKT, CCN đạt từ 3,5 triệu USD/ha đến 4,0 triệu USD/ha; tỷ lệ lấp đầy các KCN đạt từ 60% đến 70%.
- 100% KCN, KKT, CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn về môi trường.
- 100% khu công nghiệp hiện hữu, thành lập mới hoặc mở rộng đều phải đầu tư xây dựng nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp.

PHẦN IV GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. Hoàn thành công tác quy hoạch giai đoạn 2021-2030:

Kiến nghị Trung ương bổ sung, điều chỉnh quy hoạch để làm cơ sở triển khai việc phát triển các KCN, KKT, CCN giai đoạn 2021-2030 theo hướng:

- Quy hoạch KCN: diện tích khoảng 16.461 ha, trong đó: (1) Quy hoạch hiện hữu chuyên tiếp: 13 KCN, với diện tích 6.061 ha; (2) Bổ sung thêm vào giai đoạn 2021-2030: 10.400 ha, trong đó: huyện Đồng Phú (6.000 ha), huyện Hớn Quản (2.300 ha), huyện Phú Riềng (1.300 ha), huyện Chơn Thành (800 ha).

- Quy hoạch KKT: Kiến nghị giảm diện tích từ 28.364 ha xuống còn 25.864 ha (đưa ra khỏi quy hoạch 2.500 ha diện tích đất KKT sang đất quy hoạch mở rộng thị trấn Lộc Ninh và xã Lộc Thái).

- Quy hoạch CCN: diện tích 1.828 ha, trong đó: Phước Long (100 ha), Đồng Xoài (60 ha), Bình Long (210 ha), Bù Gia Mập (135 ha), Lộc Ninh (210 ha), Bù Đốp (130 ha), Hớn Quản (220 ha), Đồng Phú (341 ha), Bù Đăng (147 ha), Chơn Thành (75 ha), Phú Riềng (200 ha); trong đó, quy hoạch ít nhất 3 CCN chuyên ngành về công nghiệp chế biến.

II. Giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng

- Tập trung triển khai các thủ tục để thành lập mới và giải phóng mặt bằng các KCN, KKT, CCN đã quy hoạch, hạn chế tối đa nguy cơ thiếu quỹ đất sạch do các diện tích cũ đã lấp đầy nhưng KCN, CCN mới chưa triển khai thu hút đầu tư. Tập trung nguồn lực ưu tiên các KCN, CCN có vị trí và điều kiện thuận lợi tại địa bàn các huyện Chơn Thành, thành phố Đồng Xoài, huyện Đồng Phú trong giai đoạn 2021 - 2025 và các huyện Hớn Quản, huyện Phú Riềng giai đoạn 2026 - 2030.

- Quy hoạch các KCN, KKT, CCN phải gắn với đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở chuyên gia; các thiết chế văn hóa, hệ thống thương mại, bệnh viện, trường học,... đáp ứng nhu cầu phát triển KCN, KKT, CCN.

- Bố trí 20 - 22 ha đất thuộc huyện Chơn Thành để kêu gọi nhà đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, người lao động làm việc tại KCN Minh Hưng 3,

KCN Chơn Thành 1 và KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (các KCN hiện hữu đã có kế hoạch xây dựng nhà ở xã hội cho công nhân).

- Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng giao thông kết nối với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và khu vực Tây Nguyên, gồm các tuyến đường hiện hữu (mở rộng đường QL13, QL14, ĐT471) và các dự án giao thông trọng điểm như cao tốc TP.HCM – Bình Dương - Chơn Thành, đường ĐT 753 kết nối Bình Phước - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu, đường Đồng Phú - Bình Dương và trong tương lai là tuyến đường sắt Xuyên Á từ cửa khẩu Hoa Lư hướng về phía trung tâm của vùng.

Bên cạnh đó, cũng sẽ chú trọng với việc đầu tư, nâng cấp để phát triển mạng lưới đường chiến lược nội tỉnh và đường tỉnh lộ, bao gồm các tuyến đường tỉnh được xem xét nhằm tăng cường khả năng kết nối giữa các trung tâm huyện, thị xã, thành phố, các KCN, KKT, CCN, hỗ trợ phát triển cho các khu vực trọng điểm phát triển của tỉnh Bình Phước.

- Khuyến khích kêu gọi và tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư có năng lực, tài chính đầu tư đồng bộ hạ tầng KCN, KKT, CCN trong đó có hệ thống xử lý nước thải tập trung tại CCN và các công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

III. Chính sách về lựa chọn và hỗ trợ nhà đầu tư

- Thường xuyên rà soát, cập nhật và bổ sung nhằm hoàn thiện quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

- Xây dựng tiêu chí để lựa chọn được nhà đầu tư hạ tầng có năng lực tài chính, kinh nghiệm và trách nhiệm, qua đó đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng đồng bộ, sớm đưa KCN, KKT, CCN đi vào hoạt động.

- Ưu tiên lựa chọn các nhà đầu tư hạ tầng KCN, CCN có cam kết ràng buộc về tiến độ đầu tư với tỉnh Bình Phước.

- Ưu tiên thu hút các nhà đầu tư thứ cấp với nguồn vốn lớn; công nghệ cao, hiện đại, tiên tiến, thân thiện với môi trường; suất đầu tư cao; tạo nhiều việc làm và gắn với các cụm ngành hiện có.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chất lượng trong việc tư vấn, hướng dẫn, giải quyết các thủ tục cho nhà đầu tư. Tăng cường hơn nữa công tác thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư cũng như kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư.

- Tỉnh Bình Phước tích cực hỗ trợ và đồng hành cùng các nhà đầu tư hạ tầng trong việc bổ sung quy hoạch và thành lập mới, mở rộng diện tích các KCN, CCN để phục vụ cho các dự án cấp thiết, quan trọng; các dự án có đóng góp lớn cho sự phát triển của tỉnh.

IV. Hỗ trợ nhà đầu tư hạ tầng trong thu hút nhà đầu tư thứ cấp

- Tăng cường công tác tuyên truyền, xúc tiến đầu tư, quảng bá hình ảnh Bình Phước để giới thiệu tiềm năng, lợi thế, điều kiện kinh tế - xã hội, điều kiện cụ thể của địa phương để các nhà đầu tư tiềm năng nắm bắt được cơ hội đầu tư.



- Xây dựng chính sách và kế hoạch xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, với nhiều hình thức phong phú và đa dạng (tổ chức xúc tiến đầu tư trực tiếp hoặc trực tuyến) nhằm hướng tới một số nhà đầu tư lớn, có tiềm lực.

V. Đào tạo và thu hút nguồn nhân lực:

- Nhà nước đầu tư và kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư các trường, trung tâm giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt nhân lực chất lượng cao gắn với nhu cầu thị trường.

- Thực hiện điều tra, phân tích, thu thập thông tin nhu cầu về nguồn nhân lực của các doanh nghiệp; khuyến khích thực hiện cơ chế đặt hàng đào tạo, gắn ngành nghề, chuyên môn đào tạo của các trường với yêu cầu thực tế về chuyên môn của các doanh nghiệp.

- Cải thiện khả năng cạnh tranh trong thu hút nguồn nhân lực từ các địa phương khác đến làm việc tại Bình Phước thông qua việc đầu tư các thiết chế văn hóa, hệ thống thương mại, nhà trẻ, bệnh viện, trường học, khu nghỉ dưỡng, nhà ở cao cấp, nhà ở xã hội,... nhằm đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng, từ nguồn lao động chất lượng cao, cho đến lao động phổ thông.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tiếp tục chuyển đổi nghề nghiệp từ nguồn lao động dôi dư trong khu vực nông thôn sang công nghiệp và dịch vụ, thông qua các chính sách, chương trình đào tạo, dạy nghề, định hướng nghề nghiệp cho thanh niên nông thôn.

VI. Bảo vệ môi trường trong các KCN, KKT, CCN:

- Bắt buộc chủ đầu tư KCN, KKT, CCN chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của KCN, KKT, CCN; xây dựng và hoàn thiện các hệ thống xử lý nước thải tập trung, các hạng mục này cần được thiết kế đúng và phù hợp điều kiện thực tế, xây dựng và lắp đặt đúng thiết kế, duy trì hoạt động ổn định và hiệu quả trong suốt quá trình hoạt động của KCN, KKT, CCN.

- Tất cả các KCN, KKT, CCN đều xây dựng các khu vực lưu giữ tạm thời và trung chuyển các chất thải rắn, chất thải nguy hại từ các doanh nghiệp đến các khu vực xử lý theo đúng quy định.

- Kêu gọi xã hội hóa việc đầu tư các nhà máy xử lý và cấp nước tập trung phục vụ cho nhu cầu của KCN, KKT, CCN; hạn chế việc khai thác nước ngầm phục vụ cho các KCN, KKT, CCN.

- Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về môi trường.

VII. Công tác quản lý phát triển KCN, KKT, CCN:

- Căn cứ các điều kiện thuận lợi, cũng như các hạn chế, khó khăn của tỉnh nhà để thực hiện quy hoạch KCN, KKT, CCN phù hợp với thực tế. Hoàn thành công tác lập quy hoạch và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đúng tiến độ, làm cơ sở pháp lý để sớm triển khai kêu gọi và thực hiện đầu tư mới và mở rộng các KCN, KKT, CCN.

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh các nội dung quy hoạch không còn phù hợp với điều kiện thực tế, theo đó, kiến nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch.

- Làm tốt công tác tuyên truyền để mọi cán bộ và nhân dân hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển công nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH nhằm tạo sự đồng thuận về tư tưởng, nhận thức và hành động.

- Xây dựng kế hoạch phát triển các KCN, KKT, CCN làm căn cứ để xem xét, quyết định thành lập, mở rộng, kêu gọi đầu tư xây dựng hạ tầng, lập kế hoạch di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đang gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư và thu hút đầu tư sản xuất, kinh doanh tại các KCN, KKT, CCN trên địa bàn.

- Thực hiện tốt công tác xây dựng và quản lý KCN, KKT, CCN, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm đúng mục đích, có hiệu quả, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xây dựng nông thôn mới.

- Căn cứ tình hình của mỗi giai đoạn, có thể phát triển các KCN, CCN từ giai đoạn sau lên giai đoạn trước nhằm tận dụng tối đa hạn mức đất công nghiệp được Trung ương phân bổ. Trong đó, cố gắng đẩy nhanh việc phát triển các KCN, CNC trong giai đoạn 2021-2025.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ phát triển các KCN, KKT, CCN của các sở, ngành, địa phương. Các cấp, các ngành thường xuyên rà soát các quy định của Trung ương để cập nhật, hoàn chỉnh các chính sách thu hút đầu tư trong KCN, KKT, CCN.

PHẦN V TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Sở Công Thương có trách nhiệm:

- Là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các chủ đầu tư cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về quy hoạch, quản lý quy hoạch, phát triển CCN; đôn đốc các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan thực hiện theo đúng quy định và yêu cầu chỉ đạo của UBND tỉnh; tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

- Xây dựng, trình và tổ chức thực hiện quy định, quy chế, các chính sách, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật, dự toán kinh phí hoạt động phát triển CCN trên địa bàn sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá thực hiện phương án phát triển CCN, hiệu quả hoạt động của CCN; xử lý hoặc đề xuất UBND tỉnh xử lý vi phạm, giải quyết vấn đề phát sinh về CCN.

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với Bộ Công Thương, UBND tỉnh về tình hình CCN; đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nhu cầu sử dụng đất của CCN trong từng giai đoạn; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu CCN trên địa bàn.

2. Ban Quản lý Khu Kinh tế có trách nhiệm

- Giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư tại KCN, KKT.

- Hỗ trợ, cung cấp thông tin để các doanh nghiệp trong KCN, KKT liên kết, hợp tác với nhau thực hiện cộng sinh công nghiệp, các biện pháp sản xuất sạch hơn, hình thành các KCN sinh thái, KCN hỗ trợ, khu, cụm liên kết ngành; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc điều chỉnh quy hoạch KCN, KKT

- Thực hiện nhiệm vụ đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng quy hoạch, quản lý, hỗ trợ chuyển đổi, kế hoạch phát triển KCN, KKT.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng KCN, KKT, CCN đảm bảo phù hợp nhu cầu thực tế và khả năng cân đối nguồn vốn của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh; tổ chức kêu gọi, thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh có hiệu quả, bao gồm đầu tư phát triển KCN, KKT, CCN, ưu tiên thu hút đầu tư các dự án công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao.

- Tham mưu trong lĩnh vực thu hút đầu tư; xây dựng tiêu chí để lựa chọn được nhà đầu tư hạ tầng có năng lực tài chính, kinh nghiệm và trách nhiệm trong việc triển khai đầu tư các KCN, KKT, CCN.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm

Hàng năm căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh nguồn kinh phí triển khai đề án tiết kiệm, hiệu quả và quyết toán đúng quy định.

5. Sở Xây dựng có trách nhiệm

- Tổ chức thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng, nhiệm vụ và đồ án quy hoạch điều chỉnh tổng thể các quy hoạch này đối với khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Chủ trì phối hợp với các ngành giải quyết các thủ tục liên quan đến đầu tư xây dựng nhà ở xã hội. Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các trình tự thủ tục pháp lý có liên quan đến việc đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.”

6. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

- Chủ động tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch đất phát triển KCN, KKT, CCN.

- Hướng dẫn doanh nghiệp chấp hành nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường; tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường trong các KCN, KKT, CCN.

- Tham mưu bố trí quỹ đất để đầu tư nhà ở xã hội, nhà ở công nhân trong các KCN, KKT, CCN.

7. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai các dự án giao thông quan trọng để phục vụ cho nhu cầu vận tải hàng hóa của các KCN, KKT, CCN.

- Hướng dẫn các đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN, KKT, CCN thực hiện đấu nối với các tuyến giao thông trên địa bàn tỉnh, cấp phép đấu nối với các tuyến đường do Sở quản lý.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm

Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh các cơ chế, chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp và thu hút nguồn lao động phục vụ nhu cầu tuyển dụng của các nhà đầu tư trong KCN, KKT, CCN.

9. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan truyền thông trong tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền đến mọi cán bộ và nhân dân hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển KCN, KKT, CCN trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH nhằm tạo sự đồng thuận về tư tưởng, nhận thức và hành động.

10. UBND cấp huyện có trách nhiệm

- Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc hỗ trợ thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư, nhà ở công nhân, thủ tục triển khai đầu tư KCN, KKT, CCN.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Ban Quản lý KKT thực hiện các giải pháp kêu gọi thu hút đầu tư các KCN, KKT, CCN.

11. Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm: căn cứ Nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung theo Kế hoạch; định kỳ vào ngày 15 tháng 12 hàng năm báo cáo tình hình thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu Kinh tế để tổng hợp)./.

BẢNG 1: HIỆN TRẠNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐÃ THÀNH LẬP

STT	TÊN KHU CÔNG NGHIỆP	Diện tích Quy hoạch đã được phê duyệt (ha)	Diện tích		Tỷ lệ lấp đầy bình quân (%)	Doanh nghiệp		Vốn đầu tư	
			Có thể cho thuê (ha)	Đã cho thuê (ha)		Đã thu hút	Đã thực hiện	Trong nước (tỷ đồng)	Ngoài nước (triệu USD)
I	KCN đã thu hút đầu tư	4.686	3.451,6	1.261,2	36,5	377	198		
1	KCN Chơn Thành I	125	77,9	77,9	100,0	33	25	229,3	113,8
2	KCN Minh Hưng – Hàn Quốc	193	149,2	149,2	100,0	69	57	347,3	445,9
3	KCN Minh Hưng III	292	202,9	202,9	100,0	32	19	2.427,7	542,2
4	KCN Đồng Xoài I	163	105,4	94,6	89,8	31	19	397,5	61,8
5	KCN Đồng Xoài II	85	47,7	43,6	91,4	7	3	0,0	151,9
6	KCN Đồng Xoài III	121	77,0	58,9	76,5	23	4	80,0	159,9
7	KCN Bắc Đồng Phú	190	130,2	130,2	100,0	57	34	112,0	261,1
8	KCN Nam Đồng Phú	72	52,2	52,2	100,0	42	17	2.347,9	60,3
9	KCN Chơn Thành II	76	61,9	61,6	99,5	9	5	85,8	61,3
10	KCN Becamex-Bình Phước	2.450	1.876,8	219,0	11,7	47	14	120,0	518,4
11	KCN Minh Hưng-Sikico	655	476,5	151,1	31,7	26	1	5.934,4	294,0
12	KCN Việt Kiều	104	69,6	20,0	28,7	1	0	0	0
13	KCN Tân Khai II	160	124,5	0	0	0	0	0	0
II	KCN mở rộng	1.375	03 KCN mở rộng đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ theo Công văn số 45/TTg-CN ngày 14/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ						
1	KCN Bắc Đồng Phú	317							
2	KCN Nam Đồng Phú	480							
3	KCN Minh Hưng III	578							
TỔNG CỘNG (I và II)		6.061							

